

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MINH KHÔI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MINH KHÔI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH KHOI INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109225467

**3. Ngày thành lập:** 19/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 46 phố Tân Đà, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976102061

Fax:

Email: *nguyenvanlanh319@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.<br>- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 5.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời<br>- Xây dựng nền móng của các tòa nhà<br>- Thử độ ẩm và các công việc thử nước<br>- Chống ẩm các tòa nhà<br>- Chôn trôn trụ<br>- Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>- Uốn thép<br>- Xây gạch và đặt đá<br>- Lợp mái bao phủ tòa nhà<br>- Dựng dàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng | 4390        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8230        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 10. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN LANH | Thôn Văn Hà, Xã Gia Phương, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 48.000     | 4.800.000.000         | 96,000    | 164383536                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 48.000     | 4.800.000.000         | 96,000    |                                                                                             |         |
| 2   | MAI VĂN HUÂN    | Thôn Quang Trung, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 1.000      | 100.000.000           | 2,000     | 0010890293<br>40                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 1.000      | 100.000.000           | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ VĂN HƯỚNG    | Thôn Văn Hà, Xã Gia Phương, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 1.000      | 100.000.000           | 2,000     | 0370910038<br>55                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 1.000      | 100.000.000           | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164383536

Ngày cấp: 29/04/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Văn Hà, Xã Gia Phương, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2608 CT1, chung cư Gelexia, ngõ 885 Tam Trinh, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội